

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, điểm d khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Đào Thị K** sinh năm 1980, nơi thường trú **khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**.

Bị đơn: anh **Đào Anh Thế** sinh năm 1976, nơi thường trú **thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**; chỗ ở hiện nay **khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

A/ Về yêu cầu chia tài sản chung:

A1/ Chị **Đào Thị K** có quyền sở hữu, sử dụng căn hộ số A2623A tầng 26 Dự án Citadines, diện tích sử dụng căn hộ 38,79m<sup>2</sup>, dự án khu chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại Lô đất số H78-2, bán đảo số 3, địa điểm **khu đô thị D phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 43/2018/A2623A/01/HĐMB/CITADINES; giá trị căn hộ là 900.000.000<sup>d</sup> (chín trăm triệu đồng).

A2/ Anh **Đào Anh Thế** có quyền sở hữu, sử dụng căn hộ số A1222A tầng 12 Dự án Citadines, diện tích sử dụng căn hộ 48,88m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng

52,5m<sup>2</sup>, dự án khu chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại Lô đất số H78-2, bán đảo số 3, địa điểm **khu đô thị D phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** theo văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 637/2018/A1222A/01/HĐMB/CITADINES; giá trị căn hộ là 900.000.000<sup>d</sup> (chín trăm triệu đồng).

B. Chị **Đào Thị K** và anh Đào Anh Thế đề nghị Tòa án ghi nhận các nội dung sau:

B1/ Anh Đào Anh Thế được quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 12934 ngày 10/5/2013 do **UBND huyện Đ** cấp cho anh Đào Anh Thế và chị **Đào Thị K**, thửa đất có địa chỉ **khú H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**;

B2/ Anh Đào Anh Thế được quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, santafe, số máy D4HBLU147623, số khung RLUSV81BDMN020415, Biển số đăng ký 14A – 551.79 tên chủ xe **Đào Thị K**, do **Công an Q** cấp ngày 05/5/2021.

B3/ Chị **Đào Thị K** được quyền sử dụng thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 20999 ngày 23/01/2019 do **UBND thị xã Đ** cấp cho anh Đào Anh Thế và chị **Đào Thị K**, thửa đất có địa chỉ **khú V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**;

B4/ Chị **Đào Thị K** có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đào Anh Thế toàn bộ số tiền 300.000.000<sup>d</sup> (ba trăm triệu đồng) tiền chênh lệnh thoả thuận phân chia tài sản chậm nhất đến ngày 31/10/2024.

C. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền 300.000.000<sup>d</sup> (ba trăm triệu đồng) tiền chênh lệnh thoả thuận phân chia tài sản thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

D. Về chi phí tố tụng: chị **Đào Thị K** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 15.000.000<sup>d</sup> (mười năm triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 15.000.000<sup>d</sup> (mười năm triệu đồng) chị **K** đã nộp theo biên bản giao nhận ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chị **K** đã nộp đủ số tiền trên.

Đ. Về án phí:

- Chị **Đào Thị K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp chia tài sản chung 19.500.000<sup>d</sup> (mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.975.000<sup>d</sup> (năm mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003519, ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại chị **Đào Thị K** số tiền 38.475.000<sup>d</sup> (ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003519, ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Đào Anh T phải nộp 19.500.000<sup>d</sup> (mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp chia tài sản chung tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường